

# CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO THỜI KỲ SAU CHIẾN TRANH LẠNH

NGUYỄN HÀO HÙNG\*

**K**hông thể phủ nhận được, từ trước đến nay, quan hệ Lào - Việt luôn chiếm một tầm quan trọng đặc biệt trong chính sách đối ngoại của CHDCND Lào. Chẳng thế, trong một nghiên cứu về chính trị và phát triển của Lào, Giáo sư khoa chính trị học, Đại học tổng hợp Pittsburg (Mỹ) Joseph J. Zasloff, đã đưa ra 4 mệnh đề mà ông cho là có liên quan đến những đặc tính lâu dài của cách hành xử về chính trị của Lào, trong đó có mệnh đề: "Lào là một nước yếu, phụ thuộc vào đối tác già dặn và hùng mạnh hơn, đó là Việt Nam"<sup>(1)</sup>. Một học giả Úc nổi tiếng khác về lịch sử Lào cũng từng nhận xét: "Khi thảo luận về chính sách đối ngoại của CHDCND Lào thì hầu như không thể phân biệt được những bước khởi đầu là từ việc theo đuổi những lợi ích riêng của Lào với những bước khởi sự thuộc về lợi ích của CHXHCN Việt Nam do tính chất

của người ngang vai đứng đầu (*primus inter pares*) trong ba nước Đông Dương. Hay nói cách khác, không thật rõ ràng có sự riêng biệt nào trong các bước khởi đầu được làm bất chấp sự khiên cưỡng phải áp đặt vào những lợi ích Đông Dương (mà người Việt Nam nắm ưu thế) với những bước khởi đầu nhằm thúc đẩy những lợi ích này. Đó là lí do, bất chấp sự suy yếu của một vài quan hệ đã được đúc kết thành "quan hệ đặc biệt" giữa Lào và Việt Nam, chính sách đối ngoại của Lào vẫn tiếp tục được tạo dựng bằng cách gắn lợi ích của Lào với các lợi ích Đông Dương (đặc biệt của Việt Nam) rộng lớn hơn"<sup>(2)</sup>. Đây là hai nhận xét khá tiêu biểu cho cách tiếp cận địa-chính trị trong thời kì chiến tranh lạnh, về cơ bản lấy quốc gia dân tộc làm đơn vị, quan hệ địa lí giữa các nước là cơ sở để phân tích môi trường địa-chính trị. Tuy nhiên, những khái quát hoá kiểu này đã trở

\*NCVC. Nguyễn Hào Hùng, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

nên phiến diện, thậm chí gặp mâu thuẫn do những biến đổi có tính bước ngoặt của môi trường địa-chính trị Đông Nam Á kể từ khi chiến tranh lạnh kết thúc đến nay. Vậy thì những thay đổi cơ bản của môi trường địa-chính trị Đông Nam Á được xây dựng trên nền tảng tác động lẫn nhau giữa liên quốc gia và khu vực đã chế định chính sách đối ngoại của CHDCND Lào như thế nào? Hay nói cách khác, CHDCND Lào, với tư cách là một quốc gia khu vực, đã thích ứng ra sao trước những biến đổi của môi trường địa-chính trị khu vực để phá bỏ sự biệt lập tiềm tàng của mình, nắm bắt thời cơ hội nhập khu vực và quốc tế rộng rãi chưa từng có? Và điều này có tác động gì đến quan hệ Lào-Việt? Đó là những nội dung mà chúng tôi muốn tìm hiểu trong bài viết này.

### Nước Lào trong môi trường địa-chiến lược Đông Nam Á

Trong môi trường địa-chiến lược Đông Nam Á, biển Đông là một địa bàn chiến lược cạnh tranh quyết liệt giữa các cường quốc chủ chốt trên thế giới (Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Nga và Liên minh châu Âu) và là một hướng phát triển chủ yếu của các nền kinh tế ở Đông Nam Á và Đông Á, hay nói rộng hơn là các nền kinh tế châu Á-Thái Bình Dương có sức chi phối sâu sắc kinh tế toàn cầu trong hiện tại và tương lai. Tuy vậy, CHDCND Lào lại là *quốc gia duy nhất không có biển*. Đặc điểm này tỏ rõ

thách thức thực tế của Lào vì nó kìm hãm khả năng giao lưu thương mại với thế giới bên ngoài, làm cho Lào thiếu hẳn nguồn tài nguyên biển phong phú với những cảng biển, nguồn lợi hải sản, dầu mỏ, khí đốt... song cũng là cơ hội tiềm tàng để Lào đón đầu những bước phát triển nhảy vọt của thời đại. Mặt khác, *trong tiểu vùng sông Mê Công mở rộng Lào là nước duy nhất có đường biên giới giáp với cả 5 nước*: bốn nước Đông Nam Á (Vương quốc Thái Lan ở phía Tây với 1835 km, CHXHCN Việt Nam ở phía Đông Nam với 2069 km, Liên bang Mianma ở phía Đông Bắc với 236 km, Vương quốc Campuchia ở phía Nam với 435 km) và một nước Đông Á (CHND Trung Hoa ở phía Bắc với 505 km)<sup>(3)</sup>. Đây là yếu tố thuận lợi để Lào phát triển kinh tế biên giới đa dạng và trở thành một đầu mối thuận tiện cho sự liên kết kinh tế Đông-Tây và thậm chí cả Bắc-Nam. CHDCND Lào là nước có số dân nhỏ nhất ở Đông Nam Á lục địa (5 377 000 người)<sup>(4)</sup> còn diện tích của Lào thì đứng áp chót. Với 236 800 km<sup>2</sup> Lào đứng trên Campuchia về diện tích (181 000 km<sup>2</sup>) và đứng sau Việt Nam (330 000 km<sup>2</sup>), nhưng đứng sau khá xa hai nước láng giềng chính ở phía Tây vì chỉ bằng hơn một phần ba lãnh thổ của Mianma và non một nửa diện tích của Thái Lan. Từ hai đặc điểm địa-chiến lược trên cho thấy lợi ích cơ bản và trực tiếp của Lào hội tụ ở tiểu vùng Mê Công mở rộng này.

Do nằm kẹt sâu trong lục địa nên không một nước nào trên bán đảo Trung Ấn lại "xúng hớn với tên gọi này bằng Lào"<sup>(5)</sup> vì vị trí bản lề địa lí giữa hai nền văn hoá cổ xưa nhất ở châu Á của nó. Phân tích vị trí địa lí và tổ chức không gian lãnh thổ của Lào cho tới thời điểm kết thúc chiến tranh lạnh, một học giả Pháp đã rút ra những nhận xét xác đáng: "Là một vùng đất ngã tư và ngày nay là vùng đất bị cô lập, Lào thường xuyên là một lãnh thổ bị tranh giành, trên con đường qua lại của tất cả các cuộc đụng đầu lay chuyển trên bán đảo"<sup>(6)</sup>.

Lịch sử đã không ít lần chứng minh rằng: sở dĩ nước Lào sống sót được là nhờ tận dụng vào *điều kiện nước đệm của mình trong trục địa-chiến lược Mê Công ở trung tâm bán đảo Trung-Ấn này*.

Trong thời kỳ đầu tiên, từ thế kỷ thứ V đến thế kỷ XIV, vùng lưu vực trung Mê Công nằm giữa sự giành giật lãnh thổ của hai cực thống trị phần lớn bán đảo. Cực phía Bắc ở Vân Nam, nơi mà vương quốc Ai Lao (thế kỷ thứ III đến thế kỷ thứ VII) bị thay thế bởi Nam Chiếu (thế kỷ thứ VIII đến thế kỷ X), rồi đến các vương quốc Đại Lý (thế kỷ X) và Houli (thế kỷ XI-XIII) và cuối cùng là nền thống trị của người Mông Cổ dưới triều nhà Nguyên (thế kỷ XIV). Cực phía Nam tập trung ở vùng châu thổ Mê Công và đồng bằng Biển Hồ, nơi có các nhà nước kế tục nhau như Phù Nam

(thế kỷ I đến thế kỷ VI), Chen La (thế kỷ VII đến thế kỷ VIII), rồi đế quốc Khơme (thế kỷ IX đến XIII) trước khi đế quốc này không thoát khỏi bị sự kiểm soát của người Mông Cổ vào thế kỷ XIV. Hai cực này, hoặc đồng thời, hoặc thay nhau nắm quyền kiểm soát lưu vực trung Mê Công thông qua trung gian của một hệ thống liên minh với các công quốc địa phương tùy theo tương quan lực lượng của kẻ nào nắm ưu thế. Trong các giai đoạn suy yếu lần lượt của hai cực dẫn đến sự thay đổi của các triều đại, đã có sự vận hành để tập hợp lại của các công quốc đầu tiên thành vương quốc Thái. Đó là nhà nước Shan ở Kengtung, vương quốc Sua ở Luông Pha Bang (thế kỷ thứ VII), vương quốc Phoueun ở Xiêng Khoảng, Lào ở Chiang Saen và Lự ở Sipsong Panna (thế kỷ XI-XII). Cuối cùng, chiến lược của người Mông Cổ trên bán đảo đã tạo điều kiện cho sự trỗi dậy của các vương quốc Xiêm của Sukhothai trên sông Chao Phraya và Lào của Lan Xạng trên sông Mê Công.

Trong thời kỳ thứ hai, từ thế kỷ XV đến XVII, nước Lào xuất hiện như một thế lực ở khu vực, dựa vào cực Bắc do người Minh thống trị để đánh lui các cuộc tấn công của các láng giềng phía Đông và phía Tây. Sự nổi lên quyền cai quản về lãnh thổ của triều Minh trên bán đảo, sau khi rời kinh đô từ Nam Kinh về Bắc Kinh, không tránh cho Lào khỏi bị các đợt tấn công của Đại Việt

(1434-1483) cũng như của người Miến, rồi người Xiêm (1571-1637). Lào Lạn Xạng phải hai lần xây dựng lại nền thống nhất của mình dưới thời Vixun (1496) và Souliga Vongsa (1637).

Trong thời kỳ thứ ba, từ thế kỷ XVII đến 1954, các ảnh hưởng Đông và Tây đã kết thúc bằng ưu thế, xoá sạch trên bán đảo, của triều đại Mãn Châu, được huy động để chống lại tàn dư của nhà Minh ở miền Nam Trung Hoa, mở rộng lãnh thổ về phía Tây và duy trì sự liên kết của một đế chế quá rộng lớn. Nước Lào lúc đó nằm ở trung tâm của tham vọng lãnh thổ của Đại Việt và Xiêm, khiến nó bị tan vỡ thành ba tiểu quốc từ năm 1700. Thực dân Pháp lợi dụng việc nắm lấy "các quyền lịch sử" của phong kiến Việt Nam với phong kiến Lào để chấm dứt sự đô hộ của người Xiêm và lập lại lần thứ tư nền thống nhất của Lào. Tuy nhiên, sự thống nhất này kéo dài không bao lâu, vì từ đầu những năm 60 của thế kỷ XX, nước Lào lại bị phân chia thành hai phần: phần phía Tây liên minh với Thái Lan và Mỹ, phần phía Đông liên minh với Việt Nam, Trung Quốc và Liên Xô.

Trong thời kỳ thứ tư, kể từ sau 1975, nước Lào thêm một lần nữa hứng chịu sự qua lại ảnh hưởng bởi hai sự rạn vỡ từ nay chia cắt bán đảo. Tuy được thống nhất, nhưng Lào lại đứng trước một sự nứt rạn kép: phân tách Thái Lan với Đông Dương cộng sản, và phân tách, trong lòng phe xã hội chủ nghĩa, giữa

Trung Quốc và Việt Nam kể từ khi quân đội Việt Nam có mặt ở Campuchia năm 1979 để chấm dứt chế độ diệt chủng Pôn Pốt.

Như vậy, qua năm lần thống nhất đất nước, chỉ có hai lần là do tự người Lào tiến hành (Vixun ở thế kỷ XVI và Souliga Vongsa ở thế kỷ XVII) còn ba lần khác phải dựa vào các thế lực đồng minh có quan hệ đến lợi ích sống còn của Lào ở trung tâm bán đảo: trước hết là người Mông Cổ, dưới thời Phạ Ngừm, để trấn thủ con đường tiến vào vịnh Xiêm; kế đến người Pháp, trong thời kỳ thuộc địa, để đặt điều kiện cho chủ nghĩa bành trướng Xiêm và sự mở rộng của thực dân Anh; cuối cùng là người Việt Nam trong giai đoạn quan hệ "đặc biệt" với Lào (1977) và với Campuchia (1979), nhằm loại bỏ nguy cơ bị bao vây do việc tái lập trục Trung Quốc-Lào-Campuchia.

Lịch sử Lào cho thấy có hai điều kiện để hình thành nước đệm Lào. Một là điều kiện bên ngoài: đó là các nước láng giềng chủ yếu của Lào muốn có một đồng minh vững chắc ở bên lề của mình đến mức để họ có thể cách li khỏi một kẻ thù tiềm tàng hoặc bảo đảm cho họ đường tiến vào trục chiến lược. Điều này lí giải nhiều lần rằng: mặc dầu tương quan lực lượng của nước Lào bất lợi hơn so với các nước láng giềng, nhưng vẫn có thể tồn tại đến ngày nay. Hai là điều kiện bên trong: đó là năng lực của hệ thống chính trị cổ truyền của Lào có khả

năng tái sinh từ cấp cơ sở khi cấp thượng tầng bị tiêu diệt. Dù lãnh thổ có bị chinh phục, dù dân cư có bị bắt đi theo các kẻ chinh phục để cung phụng nguồn nhân lực cho nó, nhưng nước Lào vẫn có thể hồi phục một cách chậm rãi theo kiểu thâm thấu nhờ vào sức sống các bản mường ngoại vi của nó. Những bản mường này thật sự là nơi lưu giữ mô hình chính trị riêng theo kiểu "hệ thống chính trị Thái", ở đó quyền lực làng xã và quyền lực nhà nước có năng lực thích ứng phi thường.

Phát hiện dưới đây của các nhà nghiên cứu địa lí kinh tế Pháp có thể xem là một gợi ý có ý nghĩa lịch sử sâu sắc về môi trường địa-chiến lược của Lào: "Nước Lào hôm qua còn là nơi đan chéo nhau của những con đường trên bán đảo thì hôm nay, nó không còn là trạm qua lại nữa mà là một góc chết, một vùng ngoại vi, vì mạng lưới chỉ huy phía Tây đã tự phân rã kể từ đầu thế kỷ. Việc gián đoạn quan hệ với Vân Nam ngay từ năm 1925, ý định chuyển hướng buôn bán với Việt Nam trong giai đoạn thuộc địa, sự cắt đứt ngày càng gia tăng của các thành phố bên sông Mê Công với các vùng lạc hậu của đất nước trong hai cuộc chiến tranh Đông Dương, sự co mình lại của chế độ Miến Điện, sự giám sát ngặt nghèo biên giới sông Mê Công của Thái Lan vào năm 1975 và cuối cùng là sự đóng cửa biên giới với Trung Quốc vào năm 1979 đã làm tăng thêm sự biệt lập của nước Lào do nó bị

phụ thuộc vào các mạng lưới đi lại hiện đại: hệ thống đường sá và đường sắt nặng tính phân cực từ các nước láng giềng"<sup>(7)</sup>.

### Một chính sách đối ngoại đồng hình với địa- chính trị khu vực

Thời kỳ sau chiến tranh lạnh, cùng với sự nổi lên của vấn đề khu vực hoá địa-chính trị là xu thế địa-chính trị phát triển sang địa-kinh tế. Từ thập kỉ 90 của thế kỉ XX đến nay, kinh tế toàn cầu hoá phát triển nhanh, hợp tác kinh tế toàn cầu và khu vực ngày càng phát triển, mối liên hệ kinh tế giữa các nước ngày càng chặt chẽ, ảnh hưởng của nhân tố kinh tế đối với chính trị an ninh các nước ngày càng tăng. Khu vực Châu Á-Thái Bình Dương rộng lớn vừa là "sân đấu" địa-chính trị của các nước, vừa cung cấp điều kiện địa lí rất có lợi cho các nước triển khai hợp tác cạnh tranh địa-kinh tế. Đối chiếu vào khu vực bán đảo Trung Ấn thì đây là cơ hội lịch sử chưa từng thấy để nước Lào có thể phá bỏ được thế biệt lập cố hữu của mình, trở thành một mắt xích phát triển của kinh tế khu vực và thế giới.

29 năm qua, CHDCND Lào kiên định thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại *hoà bình, độc lập, hữu nghị và hợp tác* với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị và xã hội của họ, trên cơ sở các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có

lợi. Kể từ khi tiến hành công cuộc đổi mới (1986) đến nay, Lào tiếp tục đẩy mạnh đa phương hoá và đa dạng hoá các mối quan hệ quốc tế, coi đây là trọng tâm của hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế. Đến Đại hội VII (3/2001), Đảng NDCM Lào đã đúc rút thành phương châm hành động mang tính sáng tạo riêng, đó là: "Thực hiện chính sách quan hệ đa hướng, đa phương và đa dạng, từng bước mở rộng quan hệ một cách thích hợp theo điều kiện và khả năng thực tế, gắn quan hệ về chính trị, ngoại giao với quan hệ hợp tác về kinh tế trong quan hệ quốc tế"<sup>(8)</sup>. Trên thực tế, đường lối đối ngoại của Lào phản ánh sự thích ứng kịp thời trước những biến đổi của môi trường địa-chính trị ở Đông Nam Á. Nhận thức rõ vị thế của mình nằm giữa trung tâm tiểu vùng Mê Công mở rộng, một địa bàn mở mang tính cạnh tranh giữa các nước lớn trong và ngoài khu vực cũng như chứa đầy tính tiềm năng về hợp tác và phát triển, Lào tập trung sức lực vào việc xây dựng quan hệ láng giềng tốt với tất cả các nước, để tranh thủ phát triển kinh tế và giữ vững an ninh quốc phòng.

Thật vậy, từ đầu thập niên 90 của thế kỷ trước, cùng với sự phát triển nhanh chóng của kinh tế Đông Nam Á, sự nóng dần lên của môi trường kinh tế thế giới, sự bình thường hoá quan hệ giữa Trung Quốc và các quốc gia Đông Nam Á, sự hợp tác cùng phát triển của tiểu vùng sông Mê Công trở thành điểm nóng.

Liên hợp quốc, Ngân hàng châu Á, ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc đều tích cực ủng hộ sự phát triển của tiểu vùng. Đặc biệt, từ sau cuộc khủng hoảng tiền tệ 1997-1998, các nước ASEAN đều có nhu cầu hồi phục kinh tế nhanh để tiếp tục phát triển, trong lúc nền kinh tế Trung Quốc-người láng giềng lớn nhất của Đông Nam Á lại đang có bước phát triển thần kỳ, đã tạo ra những động lực mới cho tiến trình hợp tác phát triển tiểu vùng Mê Công. Chính sách đối ngoại "đa hướng" phải chăng là sự chủ động đón đầu từ bốn phía của môi trường địa-chính trị để Lào triển khai địa-kinh tế. Tình huống đa dạng và chông chéo lợi ích này, khiến Lào trong kinh tế đối ngoại, nghĩ đến sự chọn lựa "trở thành trung tâm dịch vụ quá cảnh trong tiểu khu vực"<sup>(9)</sup>. Đại hội VII của Đảng NDCM Lào (3/2001) đã khẳng định lại đường lối đối ngoại tổng quan của CHDCND Lào cho thấy rõ định hướng xây dựng quan hệ láng giềng tốt làm bàn đạp để mở rộng các hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế của Lào: "Tiếp tục thắt chặt và tăng cường quan hệ hợp tác toàn diện với các nước bạn chiến lược XHCN; trong đó tăng cường vun đắp truyền thống đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện với CHXHCN Việt Nam, phát triển quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác toàn diện với CHND Trung Hoa.

Coi trọng việc xây dựng mối quan hệ tốt đẹp và hợp tác có hiệu quả với các

nước láng giềng; tích cực tham gia các hoạt động của ASEAN; khôi phục và mở rộng quan hệ với Nga và các quốc gia độc lập; tăng cường hợp tác với các nước công nghiệp phát triển, các nước không liên kết và các nước đang phát triển; tham gia một cách thích hợp vào hoạt động của các tổ chức của LHQ và của Khối các nước có sử dụng tiếng Pháp cũng như các tổ chức tài chính và các tổ chức quốc tế khác.

Tăng cường quan hệ với các đảng cầm quyền, các đảng và phong trào chính trị trên cơ sở tôn trọng độc lập, tự chủ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, góp phần vào việc tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nhà nước với nhà nước<sup>(10)</sup>.

Tuy nhiên, trong quan hệ song phương, tác động địa-chính trị ở Lào thể hiện nổi bật trong việc sử dụng khéo léo đòn bẩy "cân bằng lực lượng", trước hết là đối với ba nước láng giềng lớn của Lào là Việt Nam, Trung Quốc và Thái Lan.

Với Việt Nam: Lào coi là bạn chiến lược xã hội chủ nghĩa, Lào chủ trương phát triển tình đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện "theo hướng tăng cường quan hệ hợp tác về kinh tế-văn hoá đạt kết quả ngang tầm với mối quan hệ chính trị"<sup>(11)</sup>. Bởi vì Lào xác định ngày càng rõ "quan hệ hợp tác với bạn chiến lược là yếu tố xây dựng lực lượng cho chúng ta."<sup>(12)</sup>

Trong những thập kỷ qua, quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt và hợp tác

toàn diện với Việt Nam là nhân tố cực kỳ quan trọng tác động tích cực đến diễn biến tình hình Lào, đảm bảo sự thành công của cách mạng Lào. Chính vì vậy, Lào luôn coi quan hệ chiến lược với Việt Nam là ưu tiên hàng đầu trong quan hệ quốc tế: "Tăng cường mối quan hệ hữu nghị đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện với Việt Nam ngày càng có hiệu quả thực sự; chủ động tổ chức thực hiện có kết quả thỏa thuận hai Bộ Chính trị cũng như các hiệp định hai bên đã ký"<sup>(13)</sup> và ... "phải chủ động tranh thủ quan hệ hợp tác ở những mặt mà bạn có thế mạnh; khuyến khích các địa phương, các ngành và các thành phần kinh tế hợp tác với nhau nhiều hơn trước, nhất là trong sản xuất hàng hóa, phát triển khu vực biên giới, đào tạo cán bộ...."<sup>(14)</sup>

"Bước vào thế kỷ và thiên niên kỷ mới, hai bên khẳng định quyết tâm giữ gìn và không ngừng phát triển truyền thống quý báu đó như một qui luật phát triển và là một nhân tố bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của mỗi nước;... Hai bên thỏa thuận đẩy mạnh sự hợp tác toàn diện trên cơ sở phát huy tinh thần độc lập tự chủ và ý chí tự lực tự cường, khai thác thế mạnh và khả năng của mỗi nước, hợp tác bình đẳng cùng có lợi, dành sự ưu tiên ưu đãi hợp lý cho nhau, đổi mới phương thức, nâng cao chất lượng và hiệu quả của sự hợp tác, tạo thêm sức mạnh cho mỗi nước trong công cuộc xây

dựng và bảo vệ Tổ quốc, vững bước tiến vào thế kỷ XXI<sup>(15)</sup>.

Với Trung Quốc: Lào xác định Trung Quốc là nước bạn chiến lược láng giềng và chủ trương phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác toàn diện giữa hai bên. CHDCND Lào kiên định chính sách một nước Trung Quốc, Đài Loan là một bộ phận lãnh thổ không thể tách rời của Trung Quốc, phản đối mọi âm mưu hòng tạo ra hai nước Trung Hoa. "Bước vào thế kỷ mới, hai bên nhất trí xây dựng khuôn khổ hợp tác song phương, đề ra kế hoạch hợp tác trên tất cả các lĩnh vực, nhằm tiến tới xây dựng mối quan hệ hợp tác toàn diện bền vững, lâu dài, hữu nghị, láng giềng và tin cậy lẫn nhau"<sup>(16)</sup>. Trong hợp tác song phương, phía Lào coi việc "tích cực giải quyết các vấn đề cụ thể nhằm tạo điều kiện thuận lợi và là cơ sở vững chắc cho việc thực hiện có kết quả tốt hơn các vấn đề lãnh đạo hai nước đã nhất trí"<sup>(17)</sup>. Đặc biệt, "Dành ưu tiên và sự chủ động hơn nữa cho cấp địa phương trong thoả thuận hợp tác kinh tế với Việt Nam và Trung Quốc, nhằm thúc đẩy sự hợp tác với hai nước bạn chiến lược lên bước phát triển mới rõ nét"<sup>(18)</sup>. Cụ thể là 8 tỉnh phía Bắc Lào có quan hệ trực tiếp với tỉnh Vân Nam.

Với Thái Lan là quan hệ láng giềng và anh em có từ lâu đời. Nhân dân hai nước có quan hệ thân tộc gần gũi, có ảnh hưởng lẫn nhau một cách chặt chẽ về văn hoá, ngôn ngữ, phong tục, tập

quán và tôn giáo. Lào coi Thái Lan là quan hệ "bản kay hươn khiêng" (quan hệ láng giềng, hàm chứa quan hệ cộng cư). Thái Lan coi Lào là quan hệ "bản phi mương noong" (quan hệ chị em, hàm chứa quan hệ huyết thống). Lào và Thái Lan còn có những ràng buộc sâu sắc khác về biên giới lãnh thổ do lịch sử để lại, Thái Lan là đối tác thương mại và đầu tư quan trọng hàng đầu của Lào. Lào chủ yếu bán điện cho Thái Lan và Thái Lan là một cửa ngõ xuất nhập khẩu truyền thống của Lào. Tuy nhiên, quan hệ Lào-Thái nhiều năm phát triển không bình thường. Phải đến năm 1979, Lào-Thái ra tuyên bố chung về những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa hai nước, mở đường cho một thời kỳ mới trong quan hệ hai bên, trong đó có hai nguyên tắc chính: 1/ Tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. 2/ Không cho phép bất kỳ ai sử dụng lãnh thổ nước mình làm căn cứ để hoạt động chống nước kia. "Chính phủ hai nước cùng tôn trọng và giữ vững các nguyên tắc cơ bản để cùng nhau tiến vào tương lai thịnh vượng và phát triển, không cho phép lặp lại lịch sử quá khứ, không cho phép nước khác hoặc những bọn xấu sử dụng lãnh thổ của mình gây rối nước kia, chỉ có như vậy mới có thể tin cậy và mở rộng các mối quan hệ kinh tế và các lĩnh vực khác"<sup>(19)</sup>. Chủ trương của Lào là "Giữ mối quan hệ láng giềng với Thái Lan,

đồng thời kiên quyết chống mọi hành động gây thiệt hại và vi phạm chủ quyền quốc gia của ta. Các cơ quan Trung ương và các địa phương hữu quan cần đấu tranh để phía Thái Lan thực hiện các điểm đã thoả thuận, tiếp tục thực hiện đúng tiến độ kế hoạch khảo sát cắm mốc biên giới và chấm dứt gây rối, xâm phạm biên giới, lấn chiếm đất, tiếp tay cho bọn xấu, buôn lậu... Rà soát và điều chỉnh các qui chế trong quan hệ Lào-Thái cho cụ thể và rõ ràng hơn, nhất là kiên quyết hạn chế và ngăn ngừa đầu tư, buôn bán có hại cho nền kinh tế quốc dân của ta"<sup>(20)</sup>. Trước những tác động tiêu cực của Thái Lan, Lào chủ trương "cố gắng hạn chế sự khống chế, độc quyền về kinh tế, thương mại của Thái Lan đối với Lào"<sup>(21)</sup>; trong những năm tới "tiếp tục tranh thủ sự hợp tác và giúp đỡ của nước ngoài, trước hết là với CHXHCN Việt Nam và CHND Trung Hoa nhằm giúp chúng ta xây dựng cơ sở vật chất và tạo sức mạnh để giải quyết những khó khăn trước mắt cũng như tạo đà tiến lên trong tương lai"<sup>(22)</sup>.

Với Campuchia và Mianma: Quan hệ Lào-Campuchia và quan hệ Lào-Mianma hiện nay là quan hệ giữa các quốc gia láng giềng hữu nghị. Lào chủ trương: "Tiếp tục phát triển quan hệ tốt với Vương quốc Campuchia và Mianma. Trước mắt cần tích cực quan hệ với Campuchia để tiếp tục khảo sát cắm mốc biên giới, kiểm soát và bảo vệ biên

giới nhằm đảm bảo an ninh. Cảnh giác với bọn xấu và các thế lực thù địch lợi dụng vùng biên giới để hoạt động chống phá chúng ta cũng như nước thứ ba"<sup>(23)</sup>.

"Đối với Mianma, rà soát lại việc triển khai thực hiện nghĩa vụ của chúng ta trong hợp tác giữa hai nước, tích cực thúc đẩy hợp tác kinh tế-văn hóa đạt kết quả"<sup>(24)</sup>.

Thực hiện chủ trương trên, trong những năm gần đây quan hệ Lào-Campuchia và quan hệ Lào-Mianma có bước phát triển mới:

Lào và Campuchia đã ký hiệp định hoạch định biên giới và tiến hành cắm mốc trên thực địa. Hai bên đã ký các hiệp định hợp tác song phương về mua bán điện, vận tải đường bộ, thương mại, du lịch, tương trợ tư pháp v.v.. Phía Lào cũng đã thăm dò khả năng vận tải quá cảnh Campuchia và qua cảng Sihanoukville để giao thương với quốc tế.

Lào-Mianma đã ký nhiều hiệp định hợp tác song phương về kinh tế-văn hóa, bảo vệ an ninh biên giới, phòng chống tội phạm xuyên quốc gia, nhất là buôn bán, vận chuyển ma túy qua biên giới. Quan hệ láng giềng hữu nghị, tốt đẹp với Campuchia và Mianma đã giúp Lào có được sự ổn định ở hai phía biên giới rất quan trọng.

\* \*

\*

Phân tích tác động của những yếu tố địa-chính trị và địa-kinh tế ở Lào cho thấy trong lịch sử và trong thời kỳ chiến tranh lạnh, vị thế nước đệm là một hàng số giúp Lào cùng tồn tại với các nước láng giềng nhưng cơ bản nằm trong chiều hướng biệt lập, cục bộ. Ngược lại, vị thế nước đệm trong thời kỳ sau chiến tranh lạnh không chỉ giúp Lào cùng tồn tại với các nước láng giềng mà quan trọng hơn cùng phát triển với các nước này, theo xu hướng mở cửa, hội nhập với thế giới. Đây là một tất yếu khách quan mà chính sách đối ngoại của CHDCND Lào luôn nhận thức được và nó có tác động đến các quan hệ đối tác của Lào, trong đó có quan hệ Lào-Việt.

## CHÚ THÍCH

(1) Xem: Joseph J. Zasloff, *Political Constraints on Development in Laos* trong "Laos: Beyond the Revolution", Edited by Joseph J. Zasloff and Leonard Unger, Macmillan Academic and Professional Ltd, Houndmills, Basingstock, Hampshire RG21 2XS and London, 1991, pp. 3-40. Ba mệnh đề còn lại mà tác giả này đưa ra gồm Lào là một nước nghèo ; Lào là là một xã hội cổ truyền, đa sắc tộc, do những người Lào ưu tú vùng thấp cai trị; Lào là một nước cộng sản mới giành được thắng lợi. Xem ra cả 4 mệnh đề này chỉ phản ánh tính

biệt lập cao của Lào đối với thế giới mà thôi.

- (2) Martin Stuart-Fox, *Foreign Policy of the Lao People's Democratic Republic* in "Laos: Beyond the Revolution", Op.cit, p. 187.
- (3) Những số liệu được sử dụng ở đây là theo *Niên giám thống kê Lào năm 2001* do Trung tâm thống kê quốc gia thuộc Ủy ban kế hoạch và hợp tác của Lào công bố (song ngữ Lào-Anh), Viêng Chăn, 2002.
- (4) So với số dân của cùng thời điểm năm 2002 của Việt Nam là 79 727 400 người, Thái Lan là 63 430 000 người, Mianma là 52 170 000 người, Campuchia là 13 500 000 người. (Tham khảo: Tổng cục thống kê, *Niên giám thống kê 2003*, NXB Thống kê, Hà Nội, 2004.)
- (5) Christian Taillard, *Le Laos, stratégies d'un État-tampon*, Montpellier, G.I.P. RECLUS., 1989, p.11.
- (6) Ibid, p. 12.
- (7) Christian Taillard, op.cit, p. 18.
- (8) *Báo cáo chính trị Đại hội VII Đảng NDCM Lào*, tài liệu dịch của Ban đối ngoại TW.
- (9) Ủy ban kế hoạch nhà nước - Viện nghiên cứu kinh tế quốc gia, *Dự thảo chiến lược phát triển kinh tế-xã hội CHDCND Lào đến năm 2020* (Bản dịch), Viêng Chăn, 1999, tr. 35.
- (10) *Báo cáo chính trị Đại hội VII Đảng NDCM Lào (3/2001)*, tài liệu dịch của Ban đối ngoại TW.

- (11) *Nghị quyết Hội nghị TW 7 (khoá VI)*, từ 7-18/9/1998, tài liệu dịch của Ban đối ngoại TW
- (12) Như trên.
- (13) *Nghị quyết Hội nghị TW 9 (khoá VI)*, từ 13-18/9/1999, tài liệu dịch của Ban đối ngoại TW.
- (14) *Nghị quyết Hội nghị TW 3 (khoá VII)*, tài liệu dịch của Ban đối ngoại TW.
- (15) *Tuyên bố chung Việt Nam-Lào 11/7/2001.*
- (16) *Tuyên bố chung Lào-Trung Quốc, Viêng Chăn, 12/11/2000.*
- (17) *Nghị quyết Hội nghị TW 9 (khoá VI)*, từ 13-18/9/1999, tài liệu dịch của Ban đối ngoại TW.
- (18) Như trên.
- (19) *Nghị quyết Hội nghị TW 9 (khoá VI)*, từ 13-18/9/1999, tài liệu dịch của Ban đối ngoại TW.
- (20) *Nghị quyết Hội nghị TW 9 (khoá VI)*, từ 13-18/9/1999, tài liệu dịch của Ban đối ngoại TW.
- (21) *Nghị quyết Hội nghị TW 5 (khoá VI)*, tài liệu dịch của Ban đối ngoại TW.
- (22) *Nghị quyết Hội nghị TW 8 (khoá VI)*, tài liệu dịch của Ban đối ngoại TW.
- (23) *Nghị quyết Hội nghị TW 9 (khoá VI)*, tài liệu dịch của Ban đối ngoại TW.
- (24) *Nghị quyết Hội nghị TW 3 (khoá VII)*, tài liệu dịch của Ban đối ngoại TW.